TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/KDTM-ST
Ngày: 29-6-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Tuyết

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh:*** Bà Trần Thị Hải Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 29/6/2018 tại Phòng xử số 04, trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2018/TLST-KDTM ngày 09 tháng 4 năm 2018 về Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2018/QĐST-KDTM ngày 23/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 174/2018/QĐST-KDTM ngày 11/6/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng T; địa chỉ: Đường N, phường P, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Bà Lý Minh H; cư trú tại: Đường T, phường S, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 26/3/2018) (có mặt);

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đầu tư Xây dựng V; địa chỉ: Đường L, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ chi nhánh: Đường V, phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/3/2018 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn bà Lý Minh H trình bày:

Ngày 30/6/2015, Công ty TNHH Xây dựng T (sau đây gọi tắt là Công ty

T) và Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng V (sau đây gọi tắt là Công ty V) ký hợp đồng kinh tế số 06/HĐKT, phụ lục hợp đồng số 26/PLHĐ ngày 24/12/2015, với nội dung Công ty T cung cấp cát cho Công ty V thi công xây dựng đường D10 trong khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, tổng giá trị hợp đồng là 26.118.850.000 đồng.

Thực hiện hợp đồng và phụ lục kèm theo, Công ty T đã cung cấp cát cho Công ty V đúng và đủ khối lượng nhưng Công ty V không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 31/12/2017, Công ty V còn nợ Công ty T số tiền 2.000.000.000 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2017.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định, tính thời điểm hiện nay, Công ty V chỉ còn nợ Công ty T số tiền 1.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn, ông Nguyễn Ngọc S trình bày:

Bị đơn xác nhận, tính đến thời điểm hiện nay Công ty V còn nợ Công ty T số tiền 1.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty V chưa trả tiền vì: Công ty T có liên quan đến đơn khiếu nại của ông Phạm Văn H (người cung cấp vật tư để Công ty T thi công công trình cho Công ty V) và ngày 16/5/2018, ông H có đơn đề nghị hỗ trợ thu hồi nợ lần 2 gửi Công ty V. Do đó, lãnh đạo đơn vị chỉ đạo xem xét, giải quyết, tránh làm ảnh hưởng uy tín của đơn vị. Ngoài ra, công trình đang trong giai đoạn bàn giao đưa vào sử dụng và bảo hành.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền 1.000.000.000 đồng. Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng và thời hạn tố tụng. Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Công ty TNHH Xây dựng T; bị đơn phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục:*

Bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đầu tư Xây dựng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Căn cứ đơn khởi kiện ghi ngày 26/3/2018 của Công ty T thì đây là tranh chấp về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng mua bán hàng hóa và là loại tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

Ngày 30/6/2015, nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng kinh tế số 06/HĐKT và phụ lục hợp đồng số 26/PLHĐ ngày 24/12/2015, với nội dung nguyên đơn cung cấp cát cho bị đơn thi công xây dựng đường D10 trong khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của diện bị đơn xác nhận: Tính đến thời điểm hiện nay, Công ty V còn nợ Công ty T số tiền 1.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, việc Công ty V chưa thanh toán số tiền nêu trên là do có đơn kiếu nại và đề nghị hỗ trợ thu hồi nợ của ông Phạm Văn H. Theo đó, ông H là người cung cấp vật tư cho Công ty T để Công ty T thực hiện hợp đồng với Công ty V; mặc dù đã nhận được tiền từ Công ty V nhưng Công ty T không thanh toán cho ông H. Công ty V sẽ thanh toán số tiền nêu trên cho Công ty T sau khi có sự thống nhất giữ Công ty T và ông Phạm Văn H.

Nguyên đơn không đồng ý với ý kiến của bị đơn và cho rằng: Ông Phạm Văn H không có bất cứ quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến thỏa thuận giữa Công ty V và Công ty T theo Hợp đồng kinh tế số 06/HĐKT và phụ lục hợp đồng số 26/PLHĐ. Do đó, trường hợp ông H có yêu cầu đối với Công ty T thì giữa ông H và Công ty T sẽ tự giải quyết.

Xét thấy, nội dung hợp đồng kinh tế số 06/HĐKT ngày 30/6/2015 và phụ lục hợp đồng số 26/PLHĐ ngày 24/12/2015 quy định: Công ty T có nghĩa vụ cung cấp cát cho Công ty V, Công ty V có nghĩa vụ thanh toán. Hiện Công ty T đã thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng nên phát sinh nghĩa vụ thanh toán của Công ty V. Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2017, không thể hiện nghĩa vụ của nguyên đơn đối với bị đơn mà chỉ thể hiện số tiền nợ còn phải thanh toán. Hơn nữa, ông Phạm Văn H là người cung cấp vật tư cho Công ty T không có bất cứ quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến mối quan hệ giữa Công ty V và Công ty T trong việc thực hiện hợp đồng và phụ lục hợp đồng nêu trên. Do đó, áp dụng Khoản 1 Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn,

buộc bị đơn phải thanh toán số tiền còn thiếu là 1.000.0000.000 đồng.

Bị đơn còn phải trả tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005.

[3] *Về án phí:*

Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, cụ thể: 36.000.000 đồng + 3% (1.000.000.000 đồng – 800.000.000 đồng) = 42.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng T: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đầu tư Xây dựng V thanh toán số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng phát sinh từ hợp đồng kinh tế số 06/HĐKT ngày 30/6/2015 và phụ lục hợp đồng số 26/PLHĐ ngày 24/12/2015.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đầu tư Xây dựng V chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đầu tư Xây dựng V còn phải trả tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. *Về án phí dân sự sơ thẩm*

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đầu tư Xây dựng V phải chịu án phí tranh chấp về kinh doanh thương mại 42.000.000 đồng;

- Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng T không phải chịu án phí, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 36.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0028929 ngày 09/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đầu tư Xây dựng V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Đăng Tân